

Bản án số: 507/2025/DS-ST

Ngày: 09 - 9 - 2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Lê Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 411/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 06 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2025/QĐHPT-ST ngày 19 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Liên Tân T, sinh năm 1994 (Có đơn xin vắng mặt)

Căn cước số: 079094029130

Địa chỉ: 1 N, phường P (trước đây là Phường A, Quận H), Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Căn cước số: 038068000210

Địa chỉ: K3 B, phường H (trước đây là Phường A, Quận A), Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Liên Tân T trình bày:

Vào khoảng đầu năm 2021, ông có quen biết ông M và được biết ông M kinh doanh nội thất nhà ở và có công ty tại số K B, Phường A, Quận A, Thành Phố Hồ Chí Minh. Ngày 27/12/2021, ông M cần tiền nhập vật tư sản xuất xây dựng các công trình nên có hỏi vay tiền của ông. Tổng số lần ông cho ông M vay là 8 lần, trong đó có 2 lần viết giấy tay (do ông M cần gấp nên hai bên không ra công chứng) và 6 lần ký công chứng tại Văn Phòng C, cụ thể :

1. Ngày 27/12/2021 vay số tiền là 600.000.000 đồng lãi suất 0,75%/ tháng, thời hạn 01 tháng kể từ ngày ký công chứng, số công chứng 00010535 quyền số 01/2021.TP/CC-SCC/HĐGD.

2. Ngày 14/03/2022 vay số tiền là 800.000.000 đồng, lãi suất 0.75%/ tháng, thời hạn 01 tháng kể từ ngày ký công chứng, số công chứng 00003035 quyền số 01/2022.TP/CC-SCC/HĐGD.

3. Ngày 25/04/2022 vay số tiền là 1.000.000.000 đồng lãi suất 0,75%/tháng, thời hạn 01 tháng kể từ ngày ký công chứng, số công chứng 00005175 quyền số 01/2022. TP/CC-SCC/HĐGD.

4. Ngày 17/07/2022 ông M viết giấy tay vay với số tiền là 1.450.000.000 đồng, lãi suất 0,75%/ tháng, thời hạn 01 tháng, ông Minh xác N nhận đủ tiền.

5. Ngày 18/08/2022 vay số tiền là 1.600.000.000 đồng, lãi suất 0,75%/tháng, thời hạn 01 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, số công chứng 00010268 quyền số 01/2022.TP/CC-SCC/HĐGD.

6. Ngày 01/10/2022, ông M viết giấy tay vay số tiền là 2.200.000.000 đồng, lãi suất 0.75% /tháng, thời hạn 01 tháng, ông M kí xác nhận nhận đủ số tiền.

7. Ngày 04/10/2022, vay số tiền là 2.400.000.000, lãi suất 0,75% /tháng, thời hạn 01 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, số công chứng 00012171 quyền số 01/2022.TP/CC-SCC/HĐGD.

8. Ngày 26/11/2022, vay số tiền là 3.000.000.000 đồng, lãi suất 0,75%/tháng, thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng công chứng, số công chứng 00014381 quyền số 01/2022.TP/CC-SCC/HĐGD.

Tổng cộng số tiền mà ông M vay là 13.050.000.000 đồng.

Ông M thực hiện đóng lãi đầy đủ, từ khoảng tháng 01/2023 đến nay, ông không liên lạc được với ông M mặc dù ông có tìm kiếm và trực tiếp đến nhà ông M nhiều lần nhưng đều không gặp. Ông cũng cố gắng chờ ông M có trách nhiệm trả lại tiền gốc của các khoản vay, tuy nhiên ông M không thiện chí, cố tình trốn tránh không trả nợ.

Nay, ông yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh M phải trả ngay cho ông số tiền nợ gốc là 13.050.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi đối với các khoản vay trên.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập ông Nguyễn Thanh M đến Toà để tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa

nhưng ông M đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Nguyễn Thanh M trả ngay số tiền gốc là 13.050.000.000 đồng và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh M vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hoà giải và phiên tòa mà không có lý do, không có ý kiến phản đối, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, việc bị đơn không trả nợ khi đến hạn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Thanh M trả lại ngay số tiền nợ gốc là 13.050.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Ông Liên Tân T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh M trả số tiền còn thiếu, đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Bị đơn thường trú tại phường H, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025; Điều 1, Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[1.2] Xét, bị đơn ông Nguyễn Thanh M đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên toà nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến, cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[1.3] Về thời hiệu: Tại các Giấy vay tiền ngày 17/7/2022, 01/10/2022 và các hợp đồng vay tiền lập ngày 27/12/2021, 14/3/2022, 25/4/2022, 18/8/2022, 04/10/2022, 26/11/2022 giữa ông Liên Tân T và ông Nguyễn Thanh M có ghi thời hạn trả nợ của các hợp đồng là 15 ngày và 01 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vay. Theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc”*. Như vậy, trong vụ án này các bên không yêu cầu Tòa án xem xét về thời hiệu nên Tòa án không áp dụng về thời hiệu để giải quyết mà Tòa án giải quyết theo thủ tục chung.

[1.4] Xét, lời trình bày của bà Huỳnh Ngọc T1 là vợ của ông Liên Tân T xác định số tiền ông T cho ông M mượn là tài sản riêng của ông T không liên quan đến bà. Do đó, Hội đồng xét xử không đưa bà Huỳnh Ngọc T1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 13.050.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện tại các Giấy vay tiền ngày 17/7/2022, 01/10/2022 và các Hợp đồng vay tiền lập ngày 27/12/2021, 14/3/2022, 25/4/2022, 18/8/2022, 04/10/2022, 26/11/2022 giữa ông Liên Tân T và ông Nguyễn Thanh M, đều được ông M ký, lăn tay và xác nhận đã nhận đủ tiền. Thời hạn trả nợ đã được thể hiện rõ trong từng hợp đồng vay tiền và giấy vay tiền, tuy nhiên ông M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà cố tình trốn tránh làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa và cũng không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào các giấy vay tiền, hợp đồng vay tiền nêu trên và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”* nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bị đơn còn thiếu nguyên đơn số tiền 13.050.000.000 đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn phải trả ngay số tiền nợ gốc là 13.050.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với tiền lãi suất: Do nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi suất cho các khoản vay nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ

luật Tổ tụng dân sự và Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2025;

Căn cứ Điều 1, Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Căn cứ các 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Thanh M phải trả ngay cho ông Liên Tân T số tiền 13.050.000.000 (Mười ba tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành các khoản tiền phải nộp, thì hàng tháng phải chịu thêm số tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự trên số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 121.050.000 (Một trăm hai mươi một triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Liên Tân T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Liên Tân T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 60.525.000 (Sáu mươi triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0075933 ngày 16/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND KV4 - TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**



Nguyễn Phương Lan